

Số: /SNNMT-CCKSBVMT

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2026

V/v triển khai thực hiện các quy định
của pháp luật về khoáng sản mới được
có quan Trung ương ban hành

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành trong tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Ban Quản lý dự án 7 - Bộ Xây dựng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh;
- Các Ban: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh;
- Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải.
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026; đồng thời Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (*viết tắt Nghị định số 21*), có hiệu lực thi hành từ ngày **16/01/2026**.

Để triển khai kịp thời, hiệu quả các quy định của pháp luật về khoáng sản mới được ban hành nêu trên trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin đến các Sở, ban, ngành, đơn vị trong tỉnh và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh nghiên cứu và triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh cập nhật, nghiên cứu các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 21 để triển khai thực hiện trong quá trình hoạt động khoáng sản theo giấy phép hoạt động khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu triển khai, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 21 đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị để biết nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. UBND các xã, phường, đặc khu và Ban Quản lý dự án 7 - Bộ Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh, Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải nghiên cứu triển khai quy định về xử lý khối lượng vật liệu dôi dư từ quá trình thi công các công trình, dự án và hoạt động cải tạo đất nông nghiệp, đất ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21, cụ thể như sau:

Theo khoản 1 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21, quy định:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản¹ và trường hợp quy định tại khoản 8² Điều này (*khoản 1 Điều 96 theo Nghị định 21*).

- Khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản mà chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu thi công hoặc người sử dụng đất *không có nhu cầu thu hồi, sử dụng* được thực hiện theo quy định sau đây (*khoản 7 Điều 96 theo Nghị định 21*):

a) Được phép tập kết tại bãi thải, bãi chứa theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan;

b) *Chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu thi công hoặc người sử dụng đất* có trách nhiệm báo cáo về khối lượng khoáng sản, vị trí tập kết khoáng sản về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bãi thải, bãi chứa khoáng sản để theo dõi, quản lý. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý khoáng sản tại bãi thải, bãi chứa thuộc địa bàn quản lý của mình; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý khoáng sản tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

c) Người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này **tổ chức đấu giá** đối với khối lượng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (*bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công*

¹ Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp.

² Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản có văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

các công trình, dự án) theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

d) Người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này quyết định cho phép **chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công** các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản³ sử dụng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công các công trình, dự án) **theo quy định tại điểm a khoản này mà không phải đấu giá tài sản. Việc cho phép sử dụng khoáng sản được thực hiện theo hồ sơ, trình tự, thủ tục về thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này, cụ thể như sau:**

“Khoản 8 (Điều 96 theo Nghị định 21). Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, việc cho phép chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều này để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản, được thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản có văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản;

“Khoản 9 (Điều 96 theo Nghị định 21). Trường hợp bãi thải, bãi chứa khoáng sản quy định tại khoản 7 Điều này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, việc cho phép sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện như quy định tại khoản 8 Điều này”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu thi công các dự án đầu tư, dự án nạo vét hoặc người sử dụng đất thực hiện cải tạo đất ở, đất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi,

³ “1a. Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng cho các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 của Luật này để cung cấp vật liệu cho công trình, dự án sau đây không phải căn cứ phương án quản lý về địa chất, khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này:

a) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công;
 b) Dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
 c) Công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia;
 d) Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư của chính quyền địa phương hoặc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép không phải căn cứ phương án quản lý về địa chất, khoáng sản;
 đ) Dự án, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về xây dựng; dự án, công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

bổ sung một số điều Luật Địa chất và khoáng sản) **không có nhu cầu thu hồi, sử dụng** khối lượng vật liệu dôi dư từ các hoạt động này, thì khối lượng vật liệu dôi dư này được phép tập kết tại bãi thải, bãi chứa và **Người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản** (trường hợp bãi chứa sản phẩm nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thuộc thẩm quyền UBND tỉnh; trường hợp bãi chứa sản phẩm nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã thì thuộc thẩm quyền UBND cấp xã), quyết định:

+ Tổ chức đấu giá đối với khối lượng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công các công trình, dự án).

+ Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản cho chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công các công trình, dự án) mà không phải đấu giá tài sản.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Ban quản lý dự án và Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải: (i) thống kê đầy đủ khối lượng vật liệu (đá, đất, cát) dôi dư từ thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh hiện đang tập kết tại bãi chứa, bãi thải báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày **01/3/2026** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi thông tin về UBND các xã, phường có liên quan để biết, quản lý, giải quyết thu hồi khoáng sản theo thẩm quyền quy định của pháp luật nêu trên; (ii) thông tin đến các Chủ đầu tư, Nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đang hoặc sẽ thi công các công trình, dự án **quy định tại các điểm a, b, c, d và khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản** biết để làm thủ tục đăng ký thu hồi khoáng sản phục vụ thi công cho các công trình, dự án này (nếu có nhu cầu) theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21.

Trình tự, thủ tục giải quyết thu hồi khoáng sản được thực hiện theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 96 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 21; đồng thời tại khoản 12 Điều này, Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thành phần hồ sơ, mẫu văn bản trong hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản (cụ thể hóa trong Thông tư). Do đó, sau khi có Thông tư hướng dẫn thành phần hồ sơ và mẫu văn bản trong hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ thông tin đến UBND các xã, phường, đặc khu và các Ban Quản lý để biết, thực hiện.

Trong trường hợp Chủ đầu tư, Nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án **quy định tại các điểm a, b, c, d và khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản** không có nhu cầu thu hồi, sử dụng khối lượng vật liệu dôi dư theo quy định nêu trên, khối lượng vật liệu dôi dư này sẽ được xử lý theo hình thức tổ chức đấu giá quy định tại điểm c khoản 7 Điều 96 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 21.

Vậy, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin các văn bản quy định pháp luật mới về khoáng sản đến các Sở, ban, ngành trong tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các Ban quản lý dự án trong tỉnh và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh biết để triển khai thực hiện kịp thời có hiệu quả. Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Trân trọng!

(Đính kèm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025)

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc và các Phó GD Sở (b/c);
- VP Sở (đăng tải Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐCKS và Nghị định số 21);
- Lưu: VT; CCKSBVMT, CCQLĐĐ, Giang.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thư